

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 241`, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Nghe tiếng Hàn sơ cấp 1_Đề 2		
Mã học phần:	71KORS40022	Số tín chỉ:	2
Mã nhóm lớp học phần:	241_71KORS40022		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	45	phút

KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG TÀI LIỆU

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Vận dụng quy tắc phát âm, biến âm, luyện âm, ngữ điệu,... của tiếng Hàn để nghe được âm thanh và xác định được từ một cách chính xác		20%			PI 3.1, I PI 3.2, I PI 5.2, I
CLO 2	Vận dụng từ vựng và ngữ pháp tiếng Hàn đã được học để nghe được câu, hội thoại ngắn tương đương trình độ sơ cấp 3		30%			PI 3.1, I PI 3.2, I PI 5.2, I
CLO 3	Vận dụng các kỹ năng nghe tiếng Hàn để nắm bắt thông tin phục vụ cho học tập và công việc ở trình độ sơ cấp		20%			PI 7.2, I PI 7.3, I
CLO 4	Nghe và hiểu được nội dung trong câu chuyện bằng tiếng Hàn tương đương trình độ sơ cấp		30%			PI 7.2, I PI 7.3, I

LƯU Ý:

+ SINH VIÊN NỘP BÀI NGAY KHI FILE NGHE KẾT THÚC

+ MẶC ĐỊNH ĐÁP ÁN ĐÚNG LÀ CÂU A

+ Khi setup đề thi, không đảo lộn thứ tự câu, chỉ đảo lộn phần đáp án

***Trắc nghiệm: 6,5 điểm**

+ Từ câu 1-26: 0,25 điểm/ câu

(0,25 điểm x 26 câu = 6,5 điểm)

***Tự luận: 3,5 điểm**

+ Từ câu 27-36: 0,2 điểm/ câu

(0,2 điểm x 10 câu = 2,0 điểm)

+ Câu 37-38: 0,35 điểm / câu

(0,35 điểm x 2 câu = 0,7 điểm)

+ Câu 39-40: 0,4 điểm/câu

(0,4 điểm x 2 câu = 0,8 điểm)

III. Nội dung câu hỏi thi**A. TRẮC NGHIỆM**

※ [1~2] 다음을 듣고 <보기>와 같이 ()에 알맞은 것을 고르십시오.

(배)를 좋아해요. <보 기> ① 개 ② 배 ③ 새 ④ 해

1. () 이 있어요

A. 감

B. 곰

C. 김

D. 금

2. ()예요.

A. 포도

B. 고도

C. 보도

D. 호도

※ [3~6] 다음을 듣고 <보기>와 같이 물음에 맞는 대답을 고르십시오.

<보 기>	
가: 공부를 해요?	
나: _____	
① 네, 공부를 해요.	② 아니요, 공부예요.
③ 네, 공부가 아니예요.	④ 아니요, 공부를 좋아해요.

3.

- A. 아니요, 시간이 없어요.
- B. 네, 시간이에요.
- C. 네, 시간이 길어요.
- D. 아니요, 시간이 많아요.

4.

- A. 친구를 만났어요.
- B. 친구가 했어요.
- C. 친구를 좋아해요.
- D. 친구가 있어요.

5.

- A. 네, 회사에 다녀요.
- B. 아니요, 회사원이에요.
- C. 네, 회사에 없어요.
- D. 아니요, 회사원이 있어요.

6.

- A. 언니하고 먹었어요.
- B. 점심에 갔어요.
- C. 언니가 갔어요.
- D. 학교에있어요.

※ [7~8] 다음을 듣고 <보기>와 같이 다음 말에 이어지는 것을 고르십시오.

—<보 기>—

가: 생일 축하합니다.

나: _____

① 미안합니다.

② 감사합니다.

③ 반갑습니다.

④ 실례합니다.

7.

A. 아니에요.

B. 부탁해요.

C. 죄송해요.

D. 고마워요.

8.

A. 안녕히계세요.

B. 어서오세요.

C. 여기있어요.

D. 오랜만이에요.

※ [9~11] 여기는 어디입니까? <보기>와 같이 알맞은 것을 고르십시오.

—<보 기>—

가: 어디가 아프세요?

나: 배가 아파요.

① 가게

② 빵집

③ 병원

④ 회사

9.

A. 커피숍

B. 도서관

C. 은행

D. 약국

10.

- A. 우체국
- B. 영화관
- C. 여행사
- D. 운동장

11.

- A. 가구점
- B. 기숙사
- C. 편의점
- D. 박물관

※ [12~14] 다음은 무엇에 대해 말하고 있습니까? <보기>와 같이 알맞은 것을 고르십시오.

————<보 기>————

가: 누구예요?

나: 이 사람은 형이고, 이 사람은 동생이에요.

- ① 가족 ② 이름 ③ 고향 ④ 소포

12.

- A. 나이
- B. 시간
- C. 날짜
- D. 생일

13.

- A. 날씨
- B. 주말
- C. 요일
- D. 약속

14.

- A. 사진
- B. 그림
- C. 달력
- D. 선물

※ [15~17] 다음 대화를 듣고 알맞은 그림을 고르십시오.

15.

①



②



③



④



- A. ④
- B. ②
- C. ①
- D. ③

16.

①



②



③



④



A. ①

B. ②

C. ③

D. ④

17.

①



②



③



④



A. ②

B. ①

C. ③

D. ④

B.TỰ LUẬN

* [18~22] 다음을 듣고 알맞은 것을 고르십시오.

18.

A. 일본에서 왔어요.

B. 작년에 왔어요.

C. 아니요, 일본이에요.

D. 네, 안 왔어요.

19.

- A. 12 시 반이에요.
- B. 4 월 8 일이에요.
- C. 목요일이에요.
- D. 오늘이 제 생일이에요.

20.

- A. 친구 집에 갔어요.
- B. 네 시에 갔어요.
- C. 친구하고 가요.
- D. 집에 가요.

21.

- A. 네, 도서관이에요.
- B. 아니요, 도서관에서 공부해요.
- C. 아니요, 도서관에 없어요.
- D. 네, 도서관에서 만나요.

22.

- A. 열여섯 살이에요..
- B. 네, 몇 살이에요.
- C. 아니요, 열여덟 살이에요.
- D. 다섯 명이에요.

*** [23~26] 다음은 무엇에 대해 말하고 있습니까? 알맞은 것을 고르십시오.**

23.

- A. 날짜
- B. 생일
- C. 시간
- D. 요일

24.

- A. 가족
- B. 친구
- C. 고향
- D. 이름

25.

- A. 주말
- B. 약속
- C. 장소
- D. 취미

26.

- A. 나이
- B. 주말
- C. 시간
- D. 직업

B. TỰ LUẬN

***[27~36] 잘 듣고 반칸에 알맞은 말을 쓰십시오.**

- 27. 개가 (.....).
- 28. (.....) 커요.
- 29. (.....)이 있어요.
- 30. 조금 (.....).
- 31. 우산을 (.....).
- 32. (.....) 잡니다.

33. (.....) 작아요.

34. 친구가 (.....).

35. 한국어 (.....).

36. (.....)에 뭐 해요?

***[37~38] 잘 듣고 반칸에 알맞은 말을 쓰십시오.**

37. 오늘은 (.....)입니다.

..... 월 일

38. 오늘은 (.....)입니다.

..... 월 일

39.

051 - (.....) - 4312

40.

070 - 2551 - (.....)

ĐÁP ÁN PHẦN TRẮC NGHIỆM + TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Câu	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
1-26 Trắc nghiệm (6.5 điểm)		0.25 điểm	0.25 đ x 26
27- 40 Tự luận (3.5 điểm)	27. 갑니다. 28. 공이 29. 딸 30. 짜요. 31. 써요. 32. 아이가 33. 가게가 34. 바빠요. 35. 책임니다. 36. 토요일	0.2 điểm	0.2 đ x 10
	37. 6 월 9 일 38. 8 월 11 일	0.35 điểm	0.35 đ x 2
	39. (7913) 40. (6815)	0.4 điểm	0.4 đ x 2
Tổng		10.0	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 12 năm 2024
Người duyệt đề



Nguyễn Thị Hương